

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C, Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.1	4.443.929.872.681	4.231.659.390.932
1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		4.443.929.872.681	4.231.659.390.932
1.1.1 Xổ số truyền thống	01.1.1		4.443.929.872.681	4.231.659.390.932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	579.643.027.176	551.955.572.771
2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		579.643.027.176	551.955.572.771
2.1.1 Xổ số truyền thống	02.1.1		579.643.027.176	551.955.572.771
3. Doanh thu thuần	10		3.864.286.845.505	3.679.703.818.161
3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		3.864.286.845.505	3.679.703.818.161
3.1.1 Xổ số truyền thống	10.1.1		3.864.286.845.505	3.679.703.818.161
4. Chi phí kinh doanh	11	VI.3	3.078.206.976.283	2.981.509.892.420
4.1 Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		3.078.206.976.283	2.981.509.892.420
4.1.1 Chi phí trả thưởng	11.1.1		2.303.141.300.000	2.241.089.300.000
4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		775.065.676.283	740.420.592.420
5. Lợi nhuận gộp	20		786.079.869.222	698.193.925.741
5.1 Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		786.079.869.222	698.193.925.741
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	45.149.298.037	47.806.870.975
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	(19.528.293.750)	(108.675.000)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	42.977.422.254	30.466.344.610
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	42.655.083.128	40.820.247.340
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		765.124.955.627	674.822.879.766
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.040.372.140	5.957.889.062
12. Chi phí khác	32	VI.9	198.240.000	230.021.030
13. Lợi nhuận khác	40		842.132.140	5.727.868.032
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		765.967.087.767	680.550.747.798
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	153.668.658.063	136.710.825.572
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		612.298.429.704	543.839.922.226

An Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2021


Lê Thành Trí
Người lập


Lưu Thị Huỳnh Phương
Kế toán trưởng


Võ Trung Dũng
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính